TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 15/6/2021.
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Thiện Phán.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hoàn và bà Lê Thị Thao.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/ST-DS ngày 25/01/2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/DS-QĐHPT ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Tiến K, sinh năm 1979.

ĐKHKTT và nơi cư trú: xóm YĐ, thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987.

ĐKHKTT và nơi cư trú: thôn HL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD. Vắng mặt tại phiên toà (không có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Tiến C, sinh năm 1979.

ĐKHKTT và cư trú: thôn HL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD. Vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1942.

Nơi cư trú: thôn HL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Hoàng Kiều Thanh H1, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Phạm Tiến K trình bầy: Tôi và chị Nguyễn Thị D là người cùng xã, có biết nhau nên ngày 30/9/2019 tôi có cho chị D vay số tiền 300.000.000 đồng, không tính lãi suất, để chị D đáo hạn khoản vay ở Quỹ tín dụng xã Cẩm Hoàng, anh C cũng thừa nhận vợ chồng cùng vay để trả nợ. Do vậy, tôi xác định khoản vay này là dùng chung cho cả hai vợ chồng chị D; hai bên thiết lập Giấy biên nhận vay tiền và cùng ký nhận. Thời gian vay đã lâu, tôi đã đến đòi nhiều lần nhưng chị D không trả nợ cho tôi được bất kỳ đồng nào. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, đề nghị Tòa án buộc chị D và chồng là anh Nguyễn Tiến C phải thanh toán trả tôi số tiền 300.000.000đ, tôi không yêu cầu trả lãi suất.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Tiến C đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương và lấy lời khai của người thân trong gia đình chị D (ông Nguyễn Tiến H, bố chồng chị D) đều khẳng định: tại thời điểm này chị D và anh Nguyễn Tiến C (là chồng chị D) vẫn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: thôn HL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD. Chị D và anh C thường ngày đi làm ăn, tối đến mới về; thậm chí vài ngày mới về. Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và giấy triệu tập anh C, chị D tham gia tố tụng tại Tòa, ông H đã thông báo và giao cho anh C, chị D. Anh C, chị D đã biết sự việc anh K khởi kiện đòi số tiền 300.000.000đ nhưng anh C không có ý kiến gì.

Quan điểm của chị D: chị D đã thừa nhận có vay anh K 300.000.000 đồng để đáo hạn tại quỹ tín dụng nhân dân Cẩm Hoàng. Nhưng hiện do tình hình Covid, gia đình gặp khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế, nên không còn khả năng trả nợ anh K. Chị sẽ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ khi sắp xếp ổn thỏa; đề nghị anh K không quấy rối làm ảnh hưởng tinh thần, uy tín, danh dự của chị và gia đình.

Quan điểm của người làm chứng:

Ông Nguyễn Tiến H cho biết: tại thời điểm này vợ chồng anh C chị D vẫn đang cư trú tại thôn Hoành Lộc cùng với tôi, anh chị chưa chuyển khẩu đi nơi khác. Hiện nay anh chị làm việc ở Hải Dương, công việc gì tôi không biết. Anh chị đi hai ba hôm mới về nhà một lần. Khi về nhà ở lại nhà mấy hôm lại đi, có lần về rồi đi luôn. Tôi không biết nơi làm việc cụ thể của anh chị ấy; tôi đã gửi cho anh C chị D các văn bản tố tụng mà Tòa án nhờ gửi. Về khoản nợ

của anh Phạm Tiến K: Tôi cũng biết sơ sơ, không biết rõ cụ thể số tiền chỉ biết vay để trả vào Quỹ tín dụng nhân dân. Trước tết anh K đến gia đình đòi nợ Chiến Duyên, thậm chí còn vứt chất bẩn vào nhà tôi. Nay anh K khởi kiện là việc của hai bên, tôi không có ý kiến gì.

Chị Hoàng Kiều Thanh H1 (vợ anh K) trình bày: Tôi xác định số tiền 300.000.000 đồng anh K khởi kiện đòi vợ chồng anh C chị D, đây là tiền riêng của anh K, không liên quan gì tới tôi, bởi trong gia đình nhưng anh K có khoản làm ăn riêng tôi không cần biết. Tôi đề nghị Tòa án không đưa tôi vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Xác minh tại Quỹ tín dụng nhân dân Cẩm Hoàng: Vợ chồng anh Nguyễn Tiến C và chị Nguyễn Thị D có ký hợp đồng tín dụng ngày 25/9/2018 với số tiền 300.000.000đ. Khoản vay này anh chị đã tất toán khoản vay vào ngày 30/9/2019

Quá trình xác minh tại địa phương: Anh Nguyễn Tiến C, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn HL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD. Thời gian gần đây anh C chị D ít có mặt tại địa phương, tuy nhiên thi thoảng vẫn về nhà tại thôn Hoành Lộc, có lần ở lại nhà một hôm, có lần hai ba hôm. Anh chị chưa chuyển khẩu đi nơi khác, vẫn cùng hộ khẩu với bố mẹ anh C.

Tại phiên toà: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Tiến C và chị Nguyễn Thị D phải thanh toán trả anh số tiền 300.000.000đ; anh không yêu cầu thanh toán lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà, chấp hành đúng qui định của BLTTDS; người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật còn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng: Điều 463, 464, 465, 466, 469, 470 BLDS; Điều 144,147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tiến K.

Buộc chị Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm trả cho anh Phạm Tiến K số tiền 300.000.000đ. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Tiến C và chị Nguyễn Thị D có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn HL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD. Anh K có đơn khởi kiện anh C chị D. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ như triệu tập hợp lệ anh C, chị D, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS nhưng anh C chị D đều vắng mặt, anh C không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án; chị D có ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, không có yêu cần phản tố. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp của anh C, chị D được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị D.

Anh K thiết lập hợp đồng vay tài sản với chị D, trong hợp đồng vay không có chữ ký của anh C. Nhưng, xét mục đích vay trả nợ chung của vợ chồng nên xác định khoản vay trong Hợp đồng là nợ chung của anh C chị D.

[2]. Về nội dung:

+. Xét giá trị pháp lý của Giấy biên nhận vay tiền giữa anh Phạm Tiến K và chị Nguyễn Thị D được lập vào ngày 30/9/2019 thì thấy: Các đương sự đều xác nhận ý chí của mình khi giao kết là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận về vay tài sản là tiền và hình thức của Giấy biên nhận vay bằng văn bản hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự nên hợp đồng vay tài sản trên được xác định là hợp pháp.

Trong giấy biên nhận vay tiền các bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán nợ và không thỏa thuận về lãi nên thuộc trường hợp: Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự.

+. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của những người làm chứng về việc cho chị D vay số tiền 300.000.000đ, sau khi nhận tiền xong thì hai bên mới thiết lập giấy mượn tiền. Việc thiết lập giấy mượn tiền của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên có giá trị pháp lý. Mặc dù Tòa án không tiến hành lấy lời khai trực tiếp của chị D, nhưng HĐXX căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp như giấy mượn tiền (bản gốc), Văn bản trình bày của chị D, Kết luận giám định số: 06/KLGĐ ngày 02/4/2021, Phòng kỹ thuật hình

sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận *(Nội dung kết luận giám định: Chữ ký đứng tên trong giấy mượn tiền lập ngày 30/9/2019 so với chữ viết và chữ ký trong Văn bản trình bày của chị Nguyễn Thị D là do một người viết ra)* nên có đủ căn cứ để xác định: Việc chị D vay anh K số tiền 300.000.000đ và đến thời điểm này chưa thanh toán cho anh K là có thật. Theo quy định tại khoản 1 khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì anh K đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp; đối với chị D đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc (chỉ gửi Văn bản trình bày). Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Chị D và anh C vay anh K số tiền 300.000.000 triệu để đáo hạn nợ chung tại Quỹ tín dụng, anh K đã yêu trả nhưng chị D, anh C chưa trả là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh K được pháp luật bảo vệ nên yêu cầu khởi kiện của anh K có căn cứ được chấp nhận. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh C chị D có nghĩa vụ trả số tiền nợ 300.000.000đ cho anh K.

Do trong giấy vay mượn tiền các bên không thỏa thuận về lãi và nguyên đơn không yêu cầu về lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí*:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc anh C chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho anh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về chi phí giám định: Anh K tự nguyện chịu toàn bộ nên HĐXX không xem xét

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng: Điều 463, 464, 465, 466,469, 470; Điều 357 Bộ luật dân sự. Khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tiến K. Buộc chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Tiến C, đều có địa chỉ: thôn Hoàng Lộc, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng phải có trách nhiệm trả anh Phạm Tiến K, nơi cư trú: thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được

quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Tiến C phải chịu 15.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Tiến Khoa số tiền 7.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0000288 ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Anh K có quyền kháng cáo bản án thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D và anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thiện Phán